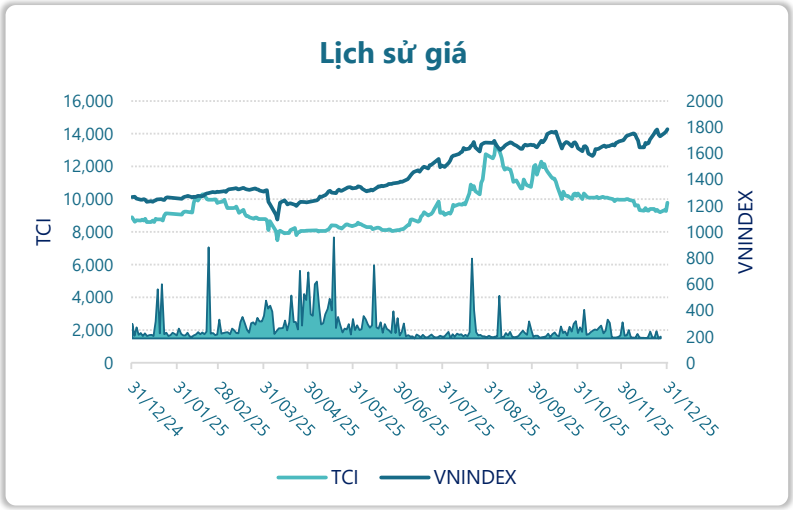
FireAnt

CTCP Chứng Khoán Thành Công (HSX: TCI)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,790**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,490
SL cổ phiếu LH	115,620,964
KLGD BQ 20 phiên (CP)	425,370
% sở hữu nước ngoài	5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,132
P/E	54.5
EPS	180

DT thuần

Q4/25

45.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼36.4| -44.7%

YoY: ▲ 37.9| 536%

LN sau thuế

Q4/25

8.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.67| 25.7%

YoY: ▲ 5.89| 258%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

226%

+/- YoY: ▼ 241%

DT thuần

2025

179

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 126| 236%

LN sau thuế

2025

19.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.30| 71.9%

ROE

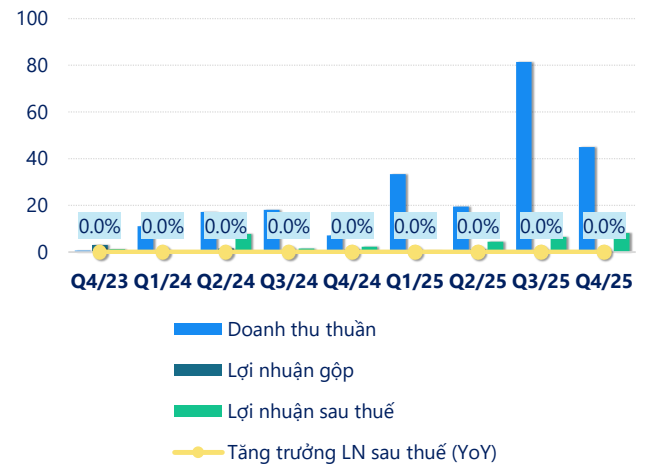
2025

#VALUE!

#VALUE!

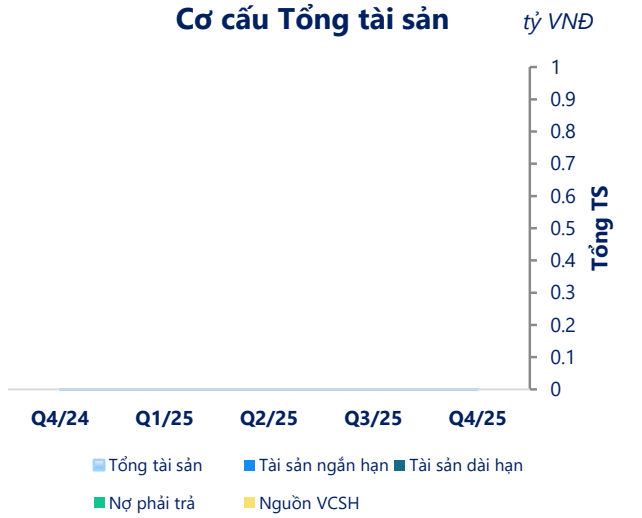
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



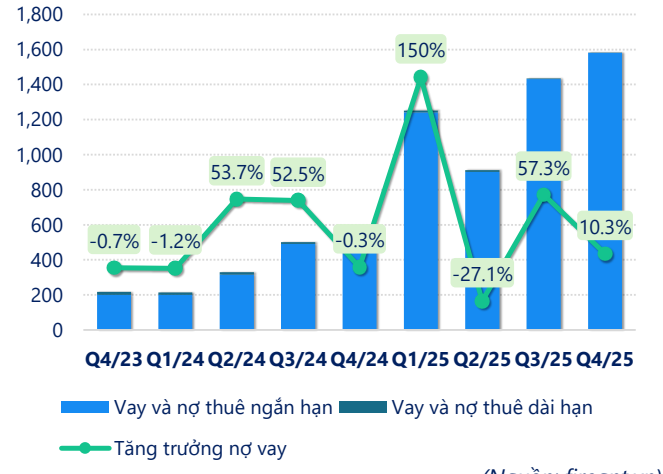
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



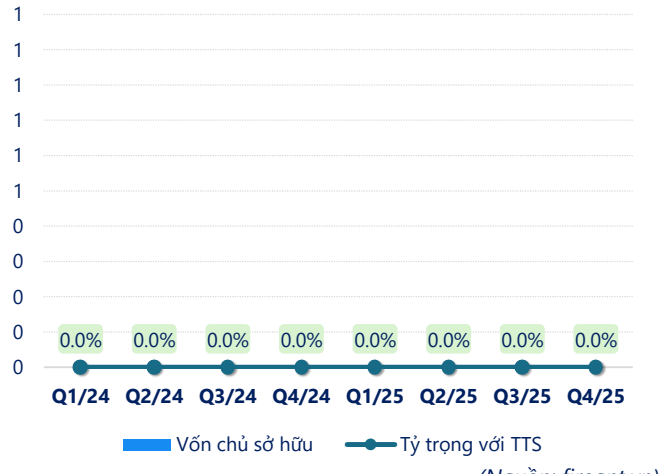
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



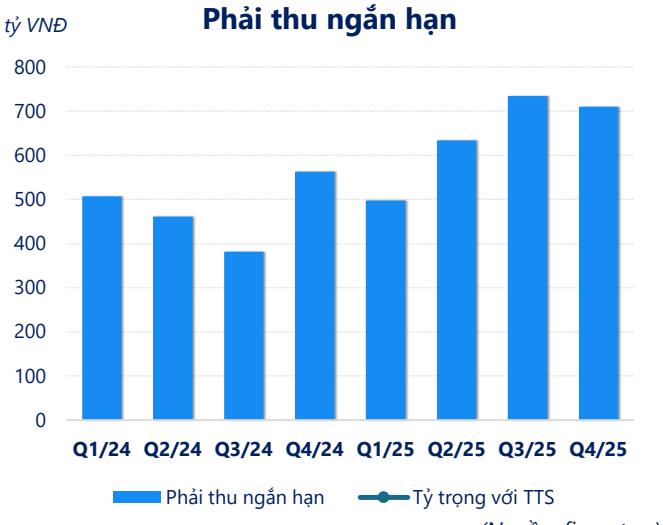
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



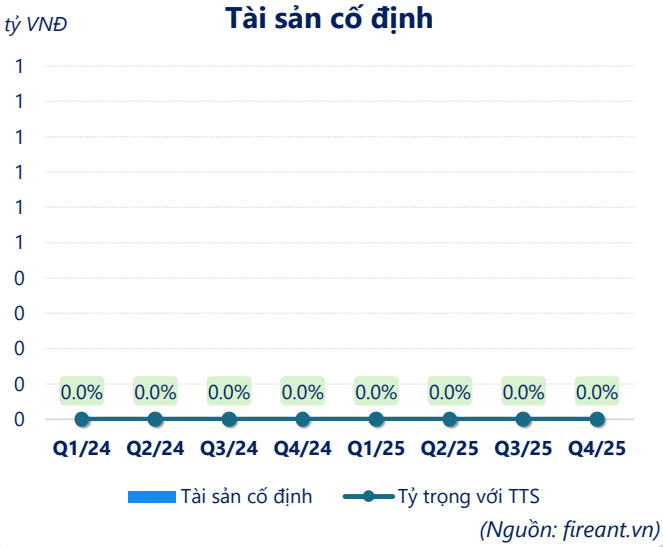
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



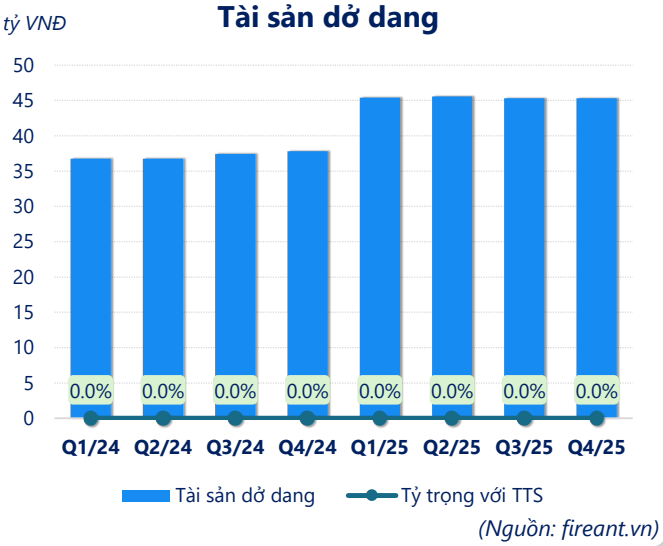
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



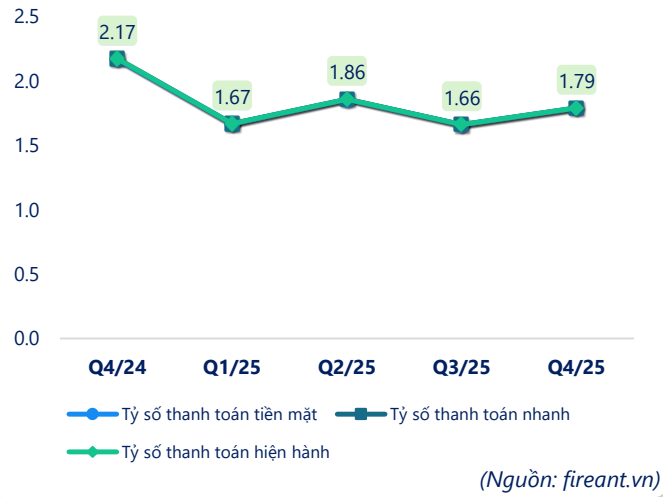
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



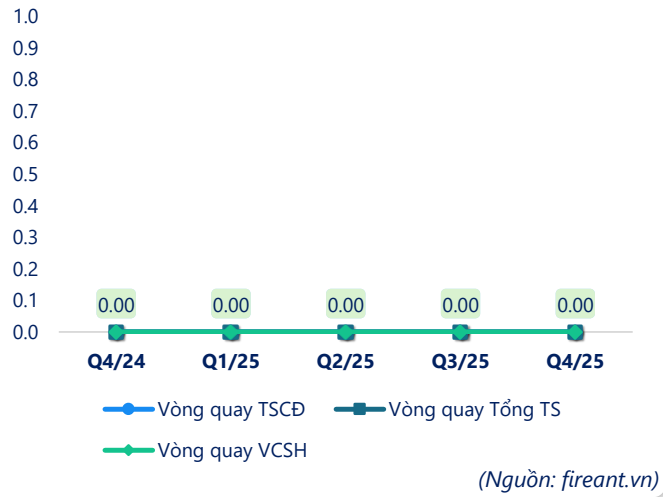
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Tài sản ngắn hạn	**2,078**	**2,807**	**2,473**	**3,210**	**2,884**
Tiền và tương đương tiền	2,073	2,803	2,470	3,207	2,880
Đầu tư tài chính ngắn hạn	193	499	204	380	188
Phải thu ngắn hạn	563	497	634	734	710
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**4.63**	**3.93**	**3.48**	**2.87**	**3.60**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	37.8	45.4	45.6	45.3	45.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.76	1.74	1.14	1.15	1.15
Lợi thế thương mại	64.1	62.4	50.6	58.9	57.2
Nợ phải trả	**966**	**1,694**	**1,341**	**1,937**	**1,615**
Nợ ngắn hạn	**957**	**1,684**	**1,331**	**1,933**	**1,612**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	492	1,241	902	1,432	1,580
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	8.65	10.1	10.3	3.24	3.13
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)